



Cuốn Chiếu Việt
Nam

KHI ĐÔNG MINH THAO CHẠY

Phần 1 - Chương 2

Kissinger, ông là ai?

New York là thành phố "không bao giờ ngủ". Tiếng ồn ào cao chót chọi trời. Đường phố rộng thẳng tắp, xe cộ chen chúc nhồi nhét. Mỗi khi phải đi băng qua phố, những chiếc không đèn báo hiệu là cản trở và khó khăn. Nhưng vì lý do gì khi phải đi có ai đi qua đường cùng thì lại càng mất thời gian. Uyển mà cậu bé Heinz luôn luôn làm như vậy. Mỗi lần lên mà đã rớt cún thì n. Mỗi khi phải qua phố, cậu luôn chỉ xem có đám trẻ nào đi qua thì mới theo sau.

Cậu bé đi cún làng Bavaria.

Đầu Thế chiến thế hai nhiều người gốc Do Thái tìm tòi do tởi Hoa k, trong đó có gia đình cậu Henry Kissinger. Tên thật của cậu là Heinz Alfred Kissinger. Heinz đi ra Henry tởi khi sang M. Sinh trưởng ở làng Bavaria, thuộc vùng Furth ngày 27 tháng Năm, 1923. Lên bảy, làng cậu đã bị đám thanh niên theo Hitler quấy nhiễu. Heinz và các bạn trẻ Do Thái bị trẻ con trong làng đánh đập tàn nhẫn xuyên (1). Cậu sợ đến nỗi là dù đã tởi tởi cún a Nở thở n Tở do rởi mà vẫn luôn luôn nhút nhát, lúc nào cũng giữ thủ.

Gia đình cậu được di cư sang M vào tháng Tám, 1933.

Thoát chết, vì chỉ ba tháng sau đó, trong một đêm gọi là "Đêm pha lê" (Crystal Night), đoàn "Thanh niên Hitler" cùng quân đi đã ào ạt tấn công một cách man rợ vào cún dân Do Thái khắp nước Đ. Trong số 3.000 dân Do Thái ở vùng Furth, chỉ còn đếm được có 70 người lúc chiến tranh kết thúc năm 1945.(2)

Tởi M, gia đình cậu Henry cún ở tởi New York, sinh hoạt bình thường như những gia đình di cư khác. Ngay tởi lúc còn học trung học, Henry đã tởi ra là một học sinh xuất sắc.

Tiến sĩ Kissinger

Trđđng thành, Kissinger đđ quân đđch và nhđp trđi huđn luyđn đđ tiđu bang North Carolina vào tháng Hai, năm 1943. Tđi tháng Sáu cùng năm ông đđđc nhđp tđch, trđ thành công dân Hoa kđ. Sau khi giđi ngũ, Kissinger đđđc nhđn vào đđi hđc Harvard. Và đđ tiđn sĩ vđi đđi mđu hđng. Vđ a hđc giđi, Kissinger đđ đđđc mđt giáo sđ nđi tiđng là William Elliott đđ đđu. Ông Elliott cho Kissinger đđm nhiđm chđđng trđnh "Hđi thđo chuyên đđ quđc tđ Harvard" (Harvard International Seminar). Chđđng trđnh này đđđc tđ chđc vào mđi mùa hè đđ các chính khách, hđc giđ tđ các nđđc tđi trao đđi vđ các vđn đđ quan trđng. Đđy là cđ hđi quý giá cho Kissinger gđp nhiđu yđu nhân tđ khđp nđi. Và ông bđt đđu đđđc biđt đđn tđ lúc đđ (3).

Năm 1957, ông cho xuđt bđn cuđn sách "Vũ khí nguyên tđ và chính sách ngođi giao" (Nuclear Weapons and Foreign Policy), mđt cuđn sách đđđc liđt vào hàng bán chđy nhđt năm đđ. Cuđn này phđn đđ nhđ tđ đđng cđ a ông vđ sđ xung đđt liên tđc trên thđ giđi giđa phe bđo thđ và phe cách mđng. Nhđng làm sao tránh đđđc mđt cuđc chiđn tranh nguyên tđ toàn đđi nđ giđa Hoa kđ và Nga Xô? Ông đđ nghđ mđt chính sách "chiđn tranh nguyên tđ giđi hđn" đđ theo đđđi mđt mđc đđch cũng giđi hđn. Đđc cuđn sách này, Nixon và đđ đđ cđ a ông đđ rđt khđm phđc (4).

Cđ hđi tiđn thân

Trong cuđc bđu cđ Tđng thđng năm 1968, ai là ngđđi đđ cho phđa Nixon biđt hđt nhđng bí mđt vđ kđ hođch cđ a Tđng thđng Johnson tđi Hoà đđm Paris? Ngđđi đđ chính là Kissinger (5). Ông có nhiđu mđi liên lđc vđi nhđng chuyên gia vđ ngođi giao trong Chính phđ Johnson vì chính ông đđ làm tđ vđn bán thđi gian cho hđ vđ vđn đđ Viđt nam. Biđt vđy nên ông Richard Allen, trong ban tham mđu vđ ngođi giao cđ a đđng cđ viên Nixon, đđ liên lđc vđi Kissinger đđ dò xét xem phđa Dân chđ đđng mđu tđnh nhđng chuyđn gì vđ kđ hođch hoà bình. Kissinger liđn xác đđnh vđi Allen là mình có nhiđu bđn bè và đđng liđu hiđn đđng làm viđc ngay tđi Hoà đđm Paris (bđt đđu tđ tháng Năm, 1968). "Tđi có cách liên lđc vđi hđ", Kissinger quđ quyđt. Và ông đđ làm nhđ vđy.

Phđa Nixon đđđc ông khuyđn nghđ là phđi đđ phòng vì: "Johnson đđng chuđn bđ ngđng đđi bom, và sđ tung con bài bđt ngđ ra trđđc ngày bđu cđ". Trong tđp hđi ký, chính Nixon cũng xác nhđn viđc này và tiđt đđ mđt vđn thđ cđ a phđ tá Haldeman thuđt đđi báo cáo cđ a Kissinger gđi ông Mitchell (ngđđi đđđu hđp ban tham mđu cđ a Nixon rđi Tđng trđđng Tđ Phđp) nói trđđc mđu lđđc cđ a Johnson: "Nguđn tin cđ a chúng tđi cho viđc chđng đđi ngđng ném bom là không thđc tđ, nhđng khuyđn ta phđi đđ tâm tđi sđ kiđn là viđc đđ có thđ xđy ra - nghĩa là ta nên tiên liđu trđđc viđc đđ - và nhđt đđnh là ta phđi chuđn bđ cho cái lúc mà viđc đđ xđy ra. Nguđn tin cđ a chúng tđi vô cùng quan ngđi vđ nhđng nđđc cđ sđp tđi cđ a Johnson, và tiên đđán rđng Johnson sđ có mđt hành đđng nào đđ trđđc ngày bđu cđ" (6).

Bà Anna Chennault kđ đđi là vào thđi đđđm đđ, bà đđ không biđt rđ "nguđn tin cđ a chúng tđi" là ai. Mđi vđ sau này, ông Mitchell mđi tiđt đđ cho bà tđng tích cđ a "nguđn tin": đđ là Henry Kissinger. Khođng 12 giđ trđđc khi Johnson ngđng ném bom, Kissinger đđ gđi cho Allen đđ thông báo mđt tin sđt đđo: tđi Paris, hai ông Harriman và Vance, lđnh đđo phđi đđoàn Hoa kđ tđi hoà đđm, đđ mđ rđđu xđm banh đđn mđng rđi! Mđi vđn đđ liên hđ đđ đđđu đđnh xong, và viđc ngđng ném bom sđ đđđc tuyên bđ sđm (7).

Vđ hành đđng này cđ a Kissinger, ký giđ Seymour Hersh (ngđđi nđi tiđng vđ tiđt đđ vđ Mđ Lai) bình luđn: khi đđm nhđng thông tin tđ Paris cho phđa Nixon, không nhđng Kissinger đđ đđm đđng tình đđng liđu nhđng còn phđn bđi nhđng ngđđi mà ông đđ tđng cđng tác vđ nhđng cđ gđng đđm phđn bí mđt" (8).

Sau khi đđng quang, Tđng thđng Nixon đđ lđ a chđn ông vào chđc Cđ vđn an ninh Quđc gia. Nixon viđt thđng ra trong hđi ký cđ a ông rđng "Trong nhđng ngày cuđi cùng cđ a cuđc bđu cđ, khi Kissinger cung đđng cho chúng tđi nhđng tin tđc vđ viđc ngđng ném bom, tđi đđ thđy đđđc rđ

h n n a, v s hi u bi t s u r ng v nh h ng c a ông ta... tôi có m t tr c giác m nh v Henry Kissinger"(9).

Trong c ng v C v n c a T ng th ng, Kissinger ch ng m y lúc đã n m đ c tr n quy n hành v ngo i giao, qua m t c Ngo i tr ng William Rogers. Và sau cùng, ngày 22 tháng Tám 1973, T ng th ng Nixon còn ch n ông làm Ngo i tr ng thay ông Rogers (t ch c ngày 16 tháng Tám). Và Kissinger đã tr thành ng i di c đ u tiên lên t i ch c v này. Quan tr ng h n n a, ông cũng là Ngo i tr ng đ u tiên kiêm c ch c C v n T ng th ng v An ninh. Sau khi Nixon t ch c, ông Ford lên k v (ngày chín tháng Tám 1974), i cũng t p t c b nhi m Kissinger kiêm luôn hai ch c nh cũ. T i tháng 11, 1975 (b y tháng sau khi Mi n Nam s p đ) ông Ford m i rút i ch c C v n. Nh Kissinger đã t thu t sau này là: ông đã k ch li t ph n đ i vi c y vì làm cho ng i ta nghi ng v đ a v c a ông. "Và trong m y tu n, tôi còn có ý đ nh t ch c n a" (10).

Trong tám năm tr i và đ i hai th i T ng th ng, ông Kissinger đã n m toàn quy n v ngo i giao Hoa k . Ch c ch n i ch s s ph i ghi nh n r ng trong m t th i gian là sáu năm ba tháng (l 20 tháng Giêng 1969 t i 30-4-1975), t c là g n m t ph n ba th i gian t n t i c a Vi t nam c ng hoà, Kissinger đã đóng vai trò then ch t trong c vi c M tháo g v vi c M b ch y ra kh i Mi n Nam.

Chuyên gia t v n: t Dân ch sang C ng hoà

T v n cho Đ ng Dân ch . Đ u th p niên 1960, Kissinger theo đ ng Dân ch và đ c làm t v n bán th i gian cho b Ngo i giao v v n đ Âu châu th i T ng th ng Kennedy. T i th i T ng th ng Johnson, ông còn t v n thêm c v v n đ Vi t nam, đ c bi t là trong m t công tác đ c gán hi u là "Pennsylvania". Trong khi tham d nhi u h i ngh qu c t t i Paris, Kissinger có g p m t nhà vi trùng h c ng i Pháp tên Herbert Marcovich. Marcovich cho bi t ông có ng i b n, m t k s tên Raymond Aubrac, là ch quen bi t v i ông H Chí Minh. R t bén nh y, Kissinger v Washington thuy t ph c các c p trên c a ông dùng Aubrac làm đ ng dây v i Hà N i đ đ i u đ i nh. Chính ph Johnson đ ng ý và ngày 21 tháng B y 1967, hai ng i Pháp cùng v i Kissinger bay ra Hà N i g p Th t ng Ph m Văn Đ ng (11). Và đó là "Pennsylvania", ngu n g c c a hoà đàm. Tháng Năm 1968, Cyrus Vance, đ i di n Hoa k và Hà Văn Lâu, đ i di n Hà N i đ n h p t i Paris đ th o lu n v chi ti t nh ng cu c hoà đàm v chi n tranh Vi t nam.

T v n cho Đ ng C ng hoà. Kho ng năm 1964, Kissinger đ i sang Đ ng C ng hoà.

Tr c c h t là t v n cho Nelson Rockefeller, đ i th c a Richard Nixon. Nhà tri u phú Rockefeller, th ng đ c ti u bang New York, đã tuy n ông làm t v n v ngo i giao khi ra c nh tranh v i Nixon trong ch c ng c viên T ng th ng c a Đ ng C ng hoà. Th i đó, Kissinger r t khinh mi t Nixon, cho ông này là ng i "nông c n, tham quy n, ch ng c ng quá khích và có th đ a M t i đ ng đ nguyên t v i Nga Xô và Trung C ng". Ông còn nói v i phe ch ng Nixon tr c ngày h p Đ ng "Con ng i Nixon đó không thích h p đ làm T ng th ng". Đ thuy t ph c, ông thêm: "Trong ng n y nh ng ng i ra tranh c , Richard Nixon là con ng i nguy hi m nh t n u tr thành T ng th ng". Th nh ng, t i Đ i h i đ ng C ng hoà, ngày 8-8-1968, ông Nixon đ c Đ ng l a ch n.

Khi th y Rockefeller th t b i ngay l n b phi u đ u v i s phi u 277 so v i 692 cho Nixon, Kissinger vô cùng bu n bã. Ng i ta k l i r ng ông đã khóc. Ông còn nói: "Cái ông đó h , ông ta không có quy n đ cai tr"(12).

Nh y sang t v n cho Richard Nixon. Khinh mi t Nixon nh v y, mà khi ông này v a đ c đ ng C ng hoà tuy n ch n, Kissinger xoay chi u ngay. Dù bi t r ng Kissinger coi th ng c p trên c a mình, ban tham m u c a Nixon cũng nh n ra tài năng c a ông ta. Chính ông Nixon cũng

biết và thái độ thù địch của Kissinger, nhưng ông cho rằng đó chỉ là chuyện chính trị trước mắt (13). Phía Cộng hòa liên danh Kissinger cũng tác động làm việc cho đệng trong kế hoạch này. Kissinger vui vẻ quá sức. Nhưng tôi cho đây là "cười hời hợt nghĩa" để nh cao nhất của nó (14). Lúc đó, Nixon đang có mặt nhà tư tưởng, nhà quân sự như McGeorge Bundy, Arthur Schlesinger của Kennedy hay Walter Rostow của Johnson. Là một luật sư, tuy có hiểu kinh nghiệm thực tế về chính sách vì đã làm Phó Tổng thống của Eisenhower, nhưng ông Nixon thì hiểu cách diễn đạt luật lệ và ngoại giao và những quan niệm về các quy mô của chính trị toàn cầu.

Về điểm này, chúng tôi cũng có những thắc mắc nào, khi nghe ông Nixon tranh luận với ông Kennedy vào lúc buổi tối Tổng thống hỏi tháng 11, năm 1960. Nhưng trong gian phòng giờ dành cho sinh viên tại Đại học Virginia, tôi được xem cuộc tranh luận đầu tiên giữa hai ông cử viên tại nước Mỹ trên truyền hình, tuy là TV đen trắng và hơi xấu. Chắc là ông Kennedy có những câu nói đẹp đẽ của Harvard luyện cho trước cuộc tranh cãi, nên ăn nói luật lệ và bình luận về ngoại giao rất có lý thuyết cao. Còn ông Nixon thì mặt chữ chập chập, chập chập cho thành tích ngoại giao đẹp đẽ của Eisenhower. Sau cùng Nixon đã thất bại năm đó.

Tư vấn cho hai Đệng một lúc

Trong kế hoạch năm 1968, khi Henry Kissinger nắm quyền làm việc với phía Cộng hòa qua Richard Allen, ông lại tiếp tục cũng tác động với phía Dân chủ qua Zbigniew Brzezinski, nhưng đi ngược lại ngoại giao cho Humphrey. Tác giả Seymour Hersh trong cuốn The Price of power có diễn chứng là Ted van Dyke, viên phóng viên thân cận của Humphrey có xác nhận chính ông đã là người tiếp nhận bức thư Kissinger viết cho Humphrey và chuyển trích Nixon và xin tình nguyện làm việc với Chính phủ Humphrey. Trong một cuộc diễn đàm với Brzezinski, Kissinger cho biết là ông có thể đưa cho xem các hồ sơ riêng của Rockefeller về Nixon. Theo như lời Kissinger, đó là những "hồ sơ bẩn" (shitfiles) của Nixon (15).

Và ông cũng đi hàng hai như vậy cho tôi giữa tháng Chín khi những cuộc thăm dò dân ý cho biết Nixon đã vượt xa Humphrey, lúc đó ông mặt mũi rõ thái độ, nghiêng hẳn về Nixon. Khi Brzezinski gọi diễn thoại tại văn phòng Kissinger để hỏi xin hồ sơ này, cô thư ký trả lời: "Nhưng ông đã biết, tôi nghĩ Kissinger bây giờ đang làm việc cho ông Nixon rồi". Và từ đó phía Humphrey không nghe thấy gì về "shitfiles" của Nixon nữa (16).

Vào đầu thập niên 1990, khi tôi có dịp quen biết với Richard Allen (trước đó là Cố vấn an ninh cho Tổng thống Reagan), trong công việc là thành viên của Hội đồng nghiên cứu Trung tâm nghiên cứu Á Châu (Asian Studies Center tại Heritage Foundation) do Allen làm Giám đốc, tôi tò mò hỏi xem ông nghĩ sao về việc đã gọi tôi về Kissinger cho Nixon, Allen nhún vai, lắc đầu, nhưng hỏi tôi đã giúp cho tham vọng của ông này.

Lên chức Cố vấn Tổng thống

Ngày 27 tháng 11, 1968, sau khi Nixon thắng cử, ông John Mitchell mời Kissinger tại căn phòng của Nixon để mời 39 khách sạn Pierre, New York để gặp Tổng thống tân cử. Nơi đây Nixon mời Kissinger làm Phó tá an ninh quốc gia. Vui vẻ quá sức nhưng ông vẫn tỏ vẻ nghiêm nghị, nói là mình có thời gian để suy nghĩ.

"Được rồi, mặt tuấn", Nixon trả lời Kissinger về ý kiến Rockefeller. Ông này dường ý để tôi cười trước mặt mình. Ngày 20 tháng Giêng 1969, Nixon đăng quang, đưa vào Bạch Ốc. Kissinger đưa vào theo (17).

Tổng thống Nixon là người mở thành công và lãnh vực ngoại giao nên mở trung chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ vào tòa Bạch Ốc, chứ không giao cho Ngoại trưởng như Tổng thống Eisenhower đã giao cho ông John Foster Dulles. Và như vậy cũng rất khôn ngoan. Quyển sách

và danh vửng cửa mửt Tửng thửng Mử thửc ra chử đửc biửu lử trong lửnh vửc đửi ngoửi. Truman thử bom nguyễn tử Hiroshima, Kennedy cho chiửn hửm trửc chử Cuba ếp Krutschev gử hoử tiễn vử. Và ngày nay, ông Bush Cha thử bom Baghdad, bửt Iraq rút khử Kuwait; ông Bush Con, đánh đửi Taliban và Al Qaeda khử Kabul. Rử chiửm Iraq, lử bửt đửc Saddam Hussein trửn trong hửm. Ngay chính bửn thân Nixon, khi làm Phó cho Tửng thửng Eisenhower cũng đử chử nửi tiễng vử vử "Kitchen Debate", đửp chát vửi Krutschev ử trong mửt khu trửng bày đử gia đửng nhử bửp tử hửi chử quửc tử Moscow.

Bửy giử lên dửi, Nixon phửi sảng chửi. Cửng chử trong lửnh vửc ngoửi giao thửi. Vì trong thửi hiửn đửi, cú Tửng thửng Mử nào nửi tiễng vử vửn đử nửi trử đửu? Nửn kinh tử Mử nhử cái máy tử đửng, khửng lử, chử làm sao đửng bử lửm phát (đửi 4%), giử thửt nghiửp cho thửp (khoửng 5%) là tửt rửi, đửu cú làm phép lử đửc. Xử hửi thì đử cú nửn nửp; lử tửt phấp thì đử thành khuỏn, chử c nhử đanh đứng cửt. Khỏ mà làm đửc gì nửi bửt trong đửa hửt chính sỏch đửi nửi. Ngửc lửi chử thửy nhửc đửu: tẻng thuử cũng bử chửi, giửm thuử cũng bử la. Tửng thửng Johnson đử hái đửc nhiửu thành quử trong nửc, đửc biửt là đử đử ý tửi vửn đử xoỏ đửi giửm nghửu, công bình xử hửi, nhửng lửi thửt bửi vử mửt ngoửi giao là chiửn tranh Viửt nam, nửn rử cũng chửng đử đửn đửu. Hiửn giử (2005) Tửng thửng George Bush vử a thửng nhiửm kử hai, ông đử tử u tiên cho chính sỏch đửi nửi là sử đửi lửi hử thửng "an ninh xử hửi" (social security system), nhửng rử cũng sử gửp nhiửu chửng đửi, và dù đử sử Quửc hửi là Cửng hoỏ, ông cũng sử phửi đử đửn thoử hiửp nửu muửn thành công. Và sau cũng thì kửt quử vử chiửn tranh Iraq cũng vửn là yử tử quan trửng xác đửnh đửa vử cửa ông trong lử chử sử.

Công cử cửa quyửn hửnh

Hiửu rử nhu cửu cửa Nixon cũn cú thành quử ngoửi giao, Kissinger lửi cú trong tay mửt cử hửi bửng vửng: đử là quyửn đửu khiửn toỏn bử nhửn viẻn làm viửc cho "Hửi đửng an ninh quửc gia" (National Security Council - NSC). Ông liửn đửa ra mửt đử nghử đử Nixon cho phép ông sử đửi nó lửi theo ý ông (18). NSC đửc thành lửp tử 1947 đử giửp Tửng thửng đửu hửp cỏc vửn đử liên quan tửi an ninh quửc gia. Vử thửc chửt nó rử tử lửng lửo. Tỏi cũn nhử tử khi du hửc ử Mử, dù là đửi thử Eisenhower, Kennedy hay Johnson, mửi khi truyửn hình chiửu nhửng biửn cử ngoửi giao quan trửng vửo phửn tin bửi chiửu thì đửu thửy Ngoửi trửng hoửc Tửng trửng quửc phỏng lên trửng bày. Bửy giử đửc Nixon ửng hử, Kissinger sử p xử p lửi đử nó trử thành mửt công cử tửp trung quyửn hửnh.

Guửng máy NSC đửc sử lửi thì giửng nhử cái máy sẻng lửc, mửi hử sử phửi qua đửy thì mửi tửi đửc bửn giửy Tửng thửng. Ba cử quan Ngoửi giao, Quửc phỏng, CIA cú trỏch nhiửm phửi nửp cho NSC cỏc đử nghử vử nhửng giửi phấp đửc cỏn nhửc kử lửng. Đửa theo đử, nhửn viẻn làm viửc tửi NSC phửi trửng bày cho Tửng thửng nhửng lửa chửn và hửu quử vử mửi giửi phấp và cho tửng vửn đử.

Sử sử p xử p lửi NSC cho phép Kissinger đứng hai vai tử: mửt là ngửi đửu hửp, tửp trung cỏc phỏn tẻch, đử nghử cửa cỏc bử vử lửnh vửc an ninh; hai là làm cử vửn cho Tửng thửng vử ngoửi giao. Là ngửi đửu hửp, ông cú quyửn sẻng lửc, thửu tỏm cỏc đử nghử. Quyửn sẻng lửc là quyửn vử cũng quan trửng. Nhửng đửm gì mửnh khỏng thửch hay khỏng đửng ý thì cú thử làm nhử đử, giửm tửm quan trửng cửa nó xửng, hay chử nửi phửt qua thửi.

Nử hửng cửa cử vửn cũng lửi hửi. Cỏ nửa lý rửu: nửi đửy nửa lý cũng đứng hay vửi nửa lý cũng đứng, kiửu nào cũng đửc. Miửn là gửn kử Tửng thửng. Bử Ngoửi giao đử hửt sửc bửt mửn, cho rửng Kissinger đử đử quyửn hoỏ lửnh vửc ngoửi giao, nửm trửn vửn quyửn hửn đửn nửi mửt bử lửn vửi 12 ngỏn nhửn viẻn, mà chử cũn vai tử sử p xử p giửy tử, hử sử. Nghử sĩ Stuart Symington cũn bửn thửm rửng "Kissinger đử thửc sử là Ngoửi trửng, trử cái tên đử thửi" (18).

Tửi nghử ông Phử tá

Khi Đệng Minh Tháo Chủy - Phấn I - Chấn đng 2

Tác Giả: GS.TS. Nguyän Tiän Häng
Thứ Tư: 26 Tháng 5 Năm 2010 01:17

Ngoài tài ba vä chính trä, ông Kissinger läi cä tài hùng biän, rät khéo chäi chä đä nói quanh co. Chúng tôi cän nhä cä đä cä mät bài báo (mä khäng nhä xuät xä tä đäu) nói vä đä mä này và cho là Kissinger cä nghä thuät "làm sao khäng nói sä thäc mà läi khäng là nói đäi" ("how not to tell the truth with- but really lying"). Ông H. R. Haldeman, Đäng lý Văn phòng cho Täng thäng Nixon kä läi mät câu chuyän khäi hải vä tài cäa Kissinger. Häi thäng 12, 1972, chính Kissinger là ngä i đä nghä Nixon cho ném bom Bäc Viät vì ông đä tuyên bä "hoä minh đäng trong täm tay" (peace is at hand) hai thäng trä đä y mà bä giä theo nhä ông nói, Hà Näi đä bäi iä cä. Thä mà làm sao nhà báo James Reston läi viät trên tä New York Times trái ngä cä läi. "Khäng thäy Kissinger nói gä công khai vä vä thä bom Bäc Viät cä, mät hành đäng mà khäng hä nghi gä là chính ông ta đä phän đäi". Nixon phän nä, chä thä Haldeman tìm hiäu xem "Henry làm cái trò gä väy" (find out what the hell Henry s doing").

Khi Haldeman häi, Kissinger đä chäi phät là ông đä chäng nói väi "bät cä ai" vä vä thä bom. Ông quä quyät: "Tôi khäng cho ông Reston cuäc phäng vän nào cä. Sau đä Haldeman cho đä u tra kä läi ngä và thäy rõ ràng là Kissinger đä nói chuyän väi Reston. Quay läi cät vän ông ta, Haldeman häi: "Ông nói väi chúng tôi là ông đä khäng cho Reston cuäc phäng vän nào cä thä mà thäc sä ông đä nói hät väi ông này!"

"Đúng, nhäng đä chä là qua đän thoäi", - Kissinger trä läi.

Haldeman bình luän:

"Vâng, chä qua đän thoäi thôi (chä đäu cä gäp mà phäng vän).

"Bät cä häc giä nào muän xem nhà ngoäi giao Henry giäi đän thä nào thì nên phäng vän tät cä nhäng ngä i đä làm viäc väi ông ta täi Toä Bäch Ôc" (19).

Cä xem cách ông chäi chä trong các vän bän, cách đäi đäp, biän luän, tä nhäng cuäc thäng thuyät täi häi ký hay häp báo, ta cũng thäy rõ cái tài năng này. Sau đäy là vài thí đä. Nhä sä thuät läi trong Chäng 11, vä cuäc häp báo cäa Kissinger sau Hiäp đänh Paris:

Häi: Có nghä đänh thä nào (protocols) đä đäc thoä thuän (väi Miän Nam) khäng?

Đáp: Khäng cä sä thông cäm (understanding) bí mät nào hät.

Đúng, Kissinger chä chäi đä là khäng cä sä thông cäm, hiäu ngäm nào chä đäu cä chäi là khäng cä nghä đänh thä?

Câu chuyän khác. Có län Täng träng quäc phòng Melvin Laird (ngä i đä u khiän chäng tränh "Viät nam hoá" thäi Nixon) khi đäc chúng tôi häi vä chuyän ông khäng biät gä đän nhäng mät thä cäa Täng thäng Nixon gäi Täng thäng Thiäu, ông Laird trä läi: "Có län tôi häi ông Kissinger täi sao khäng đäa cho tôi xem mäy lá thä đä thì ông ta trä läi "Đä, đä chä là mät vä qua läi giäa Täng Haig và Täng thäng Thiäu". Täng Haig cä lui täi Dinh Đäc läp đä trao đäi qua läi väi ông Thiäu, nhäng thäc ra ông chä là ngä i đäa nhäng bäc thä do Kissinger thäo cho Nixon mà thôi. Räi đäy tôi nhä täi câu chuyän näi läm mà ta đäu đä nghe lúc cän nhä, vä cäu bé läu länh. Có cäu häc trò đänh räm trong läp häc. Thäy đä häi:

- Chi kêu đä bay?
- Läy thäy cóc kêu.
- Cóc kêu sao thäi?
- Läy thäy cóc chät,
- Cóc chät sao kêu?
- Läy thäy hai con".

Mät biät tài khác cäa Kissinger cä tính cách quyän rä: đä là luän luän nói väi đäi tác cäa mình trong các cuäc thäng läng räng chä mình ông mäi là ngä i đäng vä phäa hä. Täng thäng Thiäu cũng nhä Ngoäi träng Trän vän Läm thäng hay nói chuyän vä đä mä này. ä Paris, theo Đäi sä Phäm Đäng Lâm, Kissinger lúc nào cũng muän chäng tä ông là ngä i äng hä VNCH

mở nh nhút trong Chính phủ Nixon. Ký giả Matti Golan trong cuốn "The Secret Conversations of Henry Kissinger" (Nhửng đửi thoửi bí mửt của Henry Kissinger) còn nhử nhử in rửt rõ vử đửc tính quyễn rử này của Kissinger trong mửt lửn cuốn thửng thuyửt vửi Do Thái và các nửc trong khửi đử Rửp. Ông luôn nói vửi lãnh đửo Do Thái rửng chử có ông mửi là Đửng minh, là bửn của hử đử Washington (20).

Đửn thửng đửc mã

Khi ra tranh cử, Nixon hử là sử giử quyửt chiửn tranh Viửt nam trong danh đử. Kissinger biửt bửn tính của ông Nixon cũng rửt là thửc tử "realpolitik", đửt nửng quyễn lửi chử không phửi là luân lý, ý thửc hử, hay đửo đửc. Bửi vửy ông bám chửt vào đử đử thuyửt phửc Nixon cho ông làm sao thì làm, miửn có kửt quử là đửc. Nixon đửng ý. Và trên thửc tử đử trao toàn quyễn giử quyửt chiửn tranh Viửt nam cho ông.

Trong cuốn sách nửi tiửng "A World Restored" (Mửt thử giử đửc phửc hửi), mửt tửp nghiễn cứu vử Metternich lúc còn đử Harvard, Kissinger có viửt: "Chính khách phửi hành đửng nhử thử là trửc giác của mình đã là kinh nghiửm, nhử thử là khát vửng của mình đã là chân lý rửi" (21).

Metternich là mửt Hoàng tử ngửi Áo, đã cùng vửi Lord Castlereagh (Ngoửi trửng Anh) giúp sửp xửp lửi trửt tử đử Âu châu (Hửi nghiử Vienna (1814-1815) sau khi Napoleon bửi trửn đử Nga vào mùa đửng 1812. Hai ngửi này, đã không ngửn ngửi dùng mửi đửn phép và làm mửi viửc trong vòng bí mửt đử tử đửc mửc đửch. Tôi nghĩ lửp luửn nhử thử này thì không đửn. Trong thửi hiửn đửi, nửu nhửng chính trử gia của các cửng quửc, nửm quyễn hành trong tay, mà lửi quá đử kiêu, làm mửi viửc trong vòng bí mửt, và nghĩ rửng "nhửng khát vửng của mình đã là chân lý rửi" thì thửt là nguy hiửm cho thử giửi!

Đửn thửng đửc mã là bửn tính của Kissinger và ông rửt tử hào vử đửi m đử. Trong mửt cuốn phửng vửn vửi nử ký giả ngửi Ý, bà Oriana Fallaci, ông giửi thích rửng sử đử ông có sửc mửnh là nhử đử lửi hành đửng mửt mình: "Đửm chính là lúc nào tôi cũng hành đửng mửt mình. Ngửi Mử thích cái đử vô cùng. Ngửi Mử thích hình đử nhử mửt gử chửn bò đửn đửu mửt toán di dân, mửt mình trên lửng ngửa, đử đử, thửng thửng tiửn vào mửt tử nhử, mửt thử xử; chử mình vửi ngửa thử, không có gì khác. Có thử là không có cử sủng nửa, là vì gử ta không cửn bửn. Gử chử hành đửng bửng cách là đử đửng chử, vào đửng lúc, thử thử. Nói gửn hửn, gử là mửt cao bửi (Westem)"(22).

Chửc ông muửn nói tửi cuốn phim "High Noon", có chú cao bửi cửi ngửa, lửng thửng đử mửt mình vào giửa phử mà ai cũng hửi sử. Giử đửy, ông muửn mửt mình mửt ngửa đử đử Hoa kử ra khửi Viửt nam. Chửng ngửi vửt đửi vửi ông là bử Ngoửi giao. Vì vửy, không biửt ông thuyửt phửc thử nào mà Nixon đã gửt phửt Ngoửi trửng William Rogers ra ngoài. Trong cuốn hửi ký "Nhửng năm bửn đửng" (Years of Upheaval), Kissinger viửt: "Tửng thửng Nixon đửi hửi là tửt cử nhửng sáng kiửn ngoửi giao quan trửng đửu phửi phát xuửt tử Bửch đửc; ông ta đã loửi trử bử Ngoửi giao và Ngoửi trửng, ông William P. Rogers ra khửi nhửng quyửt đửnh chử chửt mửt cách liên tửc và đửi khi còn có lính cách hử nhửc" (23).

Đử y đửc bử Ngoửi giao ra là hửt bử vửng vử bửn cửi, bửt đửng ý kiửn, thử tửc rửm rử, quan liử. Tử đử, Kissinger lửi có thử sửp xửp mửi chuyửn. Đử là mửt cung cách thửt lử lửng! Nó rửt "un-american", không Mử chút nào. đử trong mửt nửn dân chử, tính chửt "minh bử ch" (transparency) là đửu cửn thiửt. Cái gì không trong sáng thì không thử kéo dài đửc lâu. không có tính cách bửn vửng (sustainability). Ngoài ra, chính sách hay lửp trửng đửu đửi hửi phửi có "consensus", sử đửng thuửn của sử đửng. Muửn vửy, phửi ngửi lửi bửn bửc. Ba cái đửu phửi to hửn mửt cái. Tử quửn trử mửt công ty tửi mửt hửi, mửt nhà thử, mửt trửng tiửu hửc, bao giử cũng có nhửng bửi mứt tinh đử bửn cửi, bử phiửu, lửy quyửt đửnh. Làm sao mửt chuyửn đửi sử quửc gia, có tửi bửn Tửng thửng Mử đửnh vào mà Kissinger lửi đửi giử quyửt mửt mình? đử thử mà

Nixon đă khoán trng Miēn Nam cho ông. Ông Jun Tsunoda, C v n cho b Ngo i giao Nh t cũng đă ph i phn n: "Công tác ngo i giao trong m t th gi i ph c t p nh ngày nay là m t công vi c quá l n lao đ giao cho m t ng i t mình hành đng" (24).

Ba tháng sau khi nh m ch c, Tng thng Nixon cho Kissinger sang Moscow tranh th s giúp đ c a Nga Sô đ l p thêm m t ng th ng thuy t riêng bi t, tách r i kh i Hoà đàm Paris.

Kissinger g p Ngo i tr ng Nga Gromyko và trao cho ông ta m t thông đ p (25):

"Tng thng (Nixon) s n sàng thăm dò nh ng con đ ng khác ngoài khung c nh đàm phán hi n t i. Đi u đáng mong mu n là nh ng ng i th ng thuy t phía Hoa k và B c Vi t có th g p nhau tách bi t ra kh i khuôn kh hoà đàm Paris đ bàn v nh ng nguyên t c tng quát cho m t gi i pháp.

"N u nh ng ng i th ng thuy t đ c bi t c a hai bên Hoa k và Vi t nam dân ch c ng hoà có th đi t i m t Hi p đ nh trên nguyên t c, thì v n đ đàm phán cu i cùng v k thu t s đ c trao l i cho hoà đàm Paris". Ký t t RN (Richard Nixon).

Đĩ nhiên là Gromyko vui lòng giúp, và Kissinger đă thành công trong vi c l p ra m t hoà đàm sau h u tr ng, do chính ông đĩ u khi n.

Ngày 23 tháng B y 1969, nhân đ p phi thuy n Apollo c a M v a thành công lên cung trăng và s p đáp xu ng Thái Bình Đ ng, Tng thng Nixon bay sang Guam đ m ng và b t đ u chuy n công du Á châu g m Phillippines, Indonesia, Thái Lan, Nam Vi t nam, India, Pakistan, Romania, và Anh Qu c. Nixon thu t l i: "Chuy n đĩ đă cho m t c h i hoàn toàn ngu trang cho Kissinger g p g v i phía B c Vi t. Kissinger đ c s p x p cho đi Paris b ngoài là đ trình bày cho quan ch c Pháp k t qu chuy n đĩ c a tôi, nh ng đang khi đó ông ta s g p ông Xuân Thu" (26). Ông Xuân Thu là đ i di n c a B c Vi t t i Hoà đàm Paris.

Đ c bi t v chuy n đĩ này, Tng thng Thi u có m i Nixon ghé thăm Sài gòn đ làm m t c ch ng h Vi t nam c ng hoà. Đ ng nh đ đ n đáp công n c a ông Thi u trong k b u c , Tng thng Nixon đă quy t đ nh vào gi chót là s vi ng thăm dinh Đ c L p v i Kissinger tháp tùng. Trong phiên h p làm vi c, "Ông Nixon ch nói t i nh ng khó khăn trong n c mà ông đang g p ph i", ông Thi u k l i. "Ông yêu c u tôi tĩ p tay và nói: "Hãy giúp chúng tôi đ chúng tôi giúp các ông" và tôi đ p: "Chúng tôi s giúp ông đ ông giúp chúng tôi". Tuy nhiên, Nixon v n kh ng đ nh l i l p tr ng rút quân trên căn b n song ph ng: c quân đĩ Hoa k l n quân đĩ B c Vi t đ u rút, và l ch trình rút quân còn tu vào kh năng t v cũng nh m c đ vi n tr quân s và kinh t cho Miēn Nam.

Sau khi nâng ly sâm banh chúc tng cho Vi t nam c ng hoà, các đng c tr c thng b t đ u n , cánh qu t quay m m m i lúc m t nhanh, nh đ kh ng đ nh l i m t l n n a s c m nh và s hi n di n c a Hoa k t i Miēn Nam. Ông Thi u t i đ a Tng thng Nixon và ông Kissinger ra bãi phi c đ u trên c tr c dinh Đ c L p. M m m t n c i, ông gi tay v y chào t m bi t lúc chi c tr c thng c a Tng thng Hoa k b c thng bay nhanh v h ng B c, l t qua nh ng mái nhà đ c a thành ph . Ngày hôm đó, 30 tháng B y 1969, Nixon đă không h tĩ t l cho ông Thi u bi t r ng ngay sau khi t bi t, Kissinger đă tr c ch qua Paris g p g phái đoàn B c Vi t. Và t gi phút đó cho t i 10 gi sáng ngày 30-4 t c là trong g n hai ph n ba th i gian c a Đ nh C ng hoà, Kissinger đă m t mình thao túng chính sách Hoa k v Vi t nam. Trong c ng v đó, ông đă có nh ng hành đng gian đ i v i Đ ng minh, đ u gi m Qu c h i và nhân dân Hoa k, nh đ c ch ng minh trong cu n sách này.

G n đ y (năm 2001), m t nhà báo, ông Christopher Hitchens, đă vi t cu n sách t a đ "Xét x Henry Kissinger (The Trial of Henry Kissinger) đem ra đ y đ b ng ch ng đ a trên nh ng tài li u m i đ c gi i m t, v nh ng s l m đ ng quy n hành, và nh ng hành đng thi u l ng tâm mà Kissinger đă hành x đ i v i các n c Đ ng minh, ngoài các n c Đ ng, còn có

Chile, Bangladesh, Santiago, Nicosia và East Timor (27).

Đi về Miền Nam, có thể là ông đã hỏi họ nên năm năm sau ngày Miền Nam sụp đổ, vào đầu năm 1980, ông có viết một thư riêng cho Tổng thống Thiệu (xem cuốn chương II và Phần I c E): "Tôi không trông đợi sự thuyết phục của Ngài. Ít nhất tôi có thể cố gắng xin Ngài tin tưởng lòng họ và kính trọng họ còn cả tôi".

Chú thích

- (1) Marvin Kalb and Bernard Kalb, Kissinger, trang 42.
- (2) Marvin Kalb and Bernard Kalb, Kissinger, trang 42-46.
- (3) Marvin Kalb and Bernard Kalb, Kissinger, trang 49.
- (4) Richard Nixon, Memoiry, trang 340; về cuốn Nuclear Weapons and Foreign Policy, nên đọc thêm: Warren G. Nutter, Kissinger Grand Design, trang 43-48.
- (5) Anna Chennault, do Seymour Hersh trích dẫn trong The price of power, trang 22.
- (6) Richard Nixon, Memoiry, trang 324.
- (7) Seymour Hersh, trích dẫn trong The price of power, trang 20.
- (8) Seymour Hersh, trích dẫn trong The price of power, trang 13.
- (9) Richard Nixon, Memoiry, xem Hersh, trích dẫn trong The price of power, trang 24.
- (10) Henry Kissinger, The White House years, trang 437.
- (11) Marvin Kalb and Bernard Kalb, trang 86.
- (12) Marvin Kalb and Bernard Kalb, trang 29. 25-26
- (13) Richard Nixon, Memoiry, trang 340.
- (14) Marvin Kalb and Bernard Kalb, Kissinger, trang 29.
- (15) Seymour Hersh, trích dẫn trong The price of power, trang 21
- (16) Seymour Hersh, trích dẫn trong The price of power, trang 14.
- (17) Seymour Hersh, trích dẫn trong The price of power, trang 35.
- (18). Seymour Hersh, trích dẫn trong The price of power, trang 481.
- (19) H.R. Haldeman, The End of power, trang 143.
- (20) Matti Golan, The Secret Conversations of Henry Kissinger
- (21) Henry Kissinger, A World Restored, trang 329.
- (22) Oriana Fallaci, Interview With History, trang 40-41.
- (23) Henry Kissinger, A World Restored, trang 414.
- (24) TIME (Magazine), "The Dilficulty of being Henry Kissinger" (The Nation), 21 tháng 4, 1975.
- (25) Richard Nixon, Memoiry, trang 391.
- (26) Richard Nixon, Memoiry, trang 394.
- (27) Bạn đọc có thể vào Internet/google để tìm đọc về cuốn này.

hết: Phần I - Chương 2, xem tiếp: [Phần I - Chương 3](#)